

Số: 253/QĐ - THPTNGHA

Bình Long, ngày 18 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân công chuyên môn lần thứ nhất năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ A

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành kèm theo Thông tư này Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT ngày 7/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 của nhà trường;

Căn cứ vào năng lực, khả năng công tác của cán bộ - giáo viên, nhân viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường THPT Nguyễn Huệ A năm học 2025 - 2026 (có danh sách phân công kèm theo).

Điều 2: Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội đồng sư phạm căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể được phân công có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện kế hoạch cho phù hợp với đặc thù công việc được giao.

Điều 3: Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường, kế toán và những người có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện)
- Lưu VT.



Đào Nguyên Bình

PHÂN CÔNG CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Báo cáo nhu cầu của Trường THPT Nguyễn Huệ A)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ phân công			Trải nghiệm hướng nghiệp			Số tiết thực dạy	Số tiết kiểm nhiệm	Con nhỏ, T.sự	GVCC tập huấn MĐ 6,7,8 theo QĐ của Sở	Tổng số tiết	Tiết tiêu chuẩn	Số tiết thừa, thiếu (âm thiếu)	Ghi chú
			Giảng dạy	Chuyên đề	Kiểm nhiệm	CD1 Sinh hoạt dưới cờ	CD 2 Sinh hoạt lớp	CD 3 Sinh hoạt lớp								
1	Đào Nguyên Bình	HT	TNHN12C5(1t)		HT	1			1	15			16	17	-1	
2	Phạm Thị Thanh Hằng	PHT	V12A2; GDDP Văn 12A2		PHT				4	13			17	17	0	
3	Nguyễn Văn Định	PHT	Hoá 10A2	CD Hoá 1 tiết	PHT				3	13			16	17	-1	
			Tổng BGH:			1			8	41			49	51	-2	
			TOÁN													
4	Lai Hoàng Hùng	TT	Toán 11A2,3,C6, GDDP AN 11A2	CD Toán 3 tiết					13	3			16	17	-1	
5	Cao Thị Nguyên	TP	Toán 12A1,C4; 11C5 + BD HSG (1 tiết *1.5)	CD Toán 3 tiết	TP, CN 11C5				13,5	5			18,5	17	1,5	
6	Nguyễn Phát Chí	GV	Toán 11C3; 10A2,C3	CD Toán 3 tiết	CN 10C3				12	4			16	17	-1	
7	Nguyễn Minh Châu	GV	Toán 11A1, C4; 10C1	CD Toán 3 tiết	CN 11C4				12	4			16	17	-1	
8	Phạm Thị Thắm	GV	Toán 12A3,C5;TNHN12A3,C5 (2 tiết) + BD HSG (1 tiết*1,5)	CD Toán 2 tiết	CN 12A3	1	2	2	14,5	4			18,5	17	1,5	
9	Vũ Thị Đông	GV	Toán 12A2,C2;TNHN12A2	CD Toán 2 tiết	CN 12A2	1	1	1	11	4			15	17	-2	
10	Trần Mai Hưng	GV	Toán 11A1,2; 10A1, C4	CD Toán 4 tiết					16				16	17	-1	
11	Nguyễn Quốc Thái	GV	Toán 12A4,C1,3, 10C2	CD Toán 4 tiết					16				16	17	-1	
			Tổng môn toán:	24		2	3	3	108	24			132	136	-4	
			GDTC													
12	Đoàn Thanh Hùng	GV	GDTC 12A1,C5, 10A1,2;C1,2,3,4						16				16	17	-1	
13	Lê Thị Hà	GV	GDTC 12C1,2,3,4; 11A1,2;11C3,4						16				16	17	-1	
14	Nguyễn Văn Thắng	GV	GDTC 12A2,3,4; 11C1,2,5,6;A3						16				16	17	-1	
15	Nguyễn Ngọc Thuận	GV	GDTC 12A1,C5; 11C3,4,5,6 + GDĐP AN 11A1,2,3	Chuyển về THPT Minh Hưng từ 31.8.2025					15							
			Tổng môn GDTC:						48				48	51	-3	
			GD KT-PL													
16	Nguyễn Thị Lan	GV	GD KT-PL 12C1,3; 10C1,2,3,4 + GDĐP KT-PL12C1,3; A1,3; 10A1,2; C1,2,3,4; 11A1,2,3		CN12C3				25	4			29	17	12	
17	Nguyễn Thị Hải	GV	GD KT-PL12C2,4,5; 11C1,2,3,4,5,6 + GDĐP KT-PL12A2,4; C2,4,5; 11C1,2,3,4,5,6						29				29	17	12	



	Tổng môn GDKT&PL:											54	4					58	34	24	
	VĂN																				
18	Phạm Thị Bích Thủy	TT	Văn 11C6; 10C3,4; GDDP Văn 11C6 + 10C3,4	CD Văn 3 tiết	TTCM							15	3					18	17	1	
19	Phan Thị Hồng Thơm	TP	Văn V12C4,C5; 11A2; GDDP Văn 12C4,5+11A2 + BD HSG	CD Văn 2 tiết	CN 12C5							15,5	5					20,5	17	3,5	
20	Vũ Lan Anh	GV	Văn 12A4,C2; 11C5; GDDP Văn 12A4,C2+11C5	CD Văn 2 tiết	CN 12A4							14	4					18	17	1	
21	Nguyễn Thị Bình	GV	Văn 11A1,3,C2; 10A1,2; GDDP Văn 11A1,3,C2 +10A1,2	CD Văn 1 tiết								16						16	17	-1	
22	Nguyễn Thị Diệp	GV	Văn 12A1,C3, 11C4; GDDP Văn 12A1,C3, 11C4	CD Văn 2 tiết	CN 12A1							14	4					18	17	1	
23	Hàn Thị Hạnh	GV	Văn 12A3,C1; 11C3; GDDP Văn 12A3,C1; 11C3 + BD HSG	CD Văn 2 tiết	CN 12C1							15,5	4					19,5	17	2,5	
24	Đặng Văn Đàm	GV	Văn 11C1; 10C1,2; GDDP Văn 11C1; 10C1,2	CD Văn 3 tiết	CN 10C2							15	4					19	17	2	
	Tổng môn Văn:				15							105	24					129	119	10	
	TIN HỌC																				
25	Trần Ngọc Tân	TT	Tin 11; 10C1,2,3,4 + BD HSG (1 tiết * 1,5)									23,5						23,5	17	6,5	
26	Vũ Thị Út Hạnh	GV	Hộ sản (day lại 08/11)									0						0	0	0	
27	Lê Ngọc Hân	GV	Tin K12; 10C1,2 + BD HSG (1 tiết * 1,5)									23,5						23,5	17	6,5	
	Tổng mônTin:											47						47	34	13	
	LÝ																				
28	Lê Phi Cảnh	TP	L12A2,4;TNHN12A4 + GDDP AN 12C2,4; GDDP HN 12C2; CN10A1,2 + BD HSG	CD Lý 2 tiết								17,5						17,5	17	0,5	
29	Đỗ Thị Kim Liên	GV	L12A1,3;TNHN12A1,C1,4 + GDDP HN 12A1,3	CD Lý 2 tiết								17						17	17	0	
30	Nguyễn Văn Hùng	GV	QL 2 PM môn tin; Lý 11A2; TNHNI1A2,C1 + GDDP MT 11A2,C1,5,6	CD Lý 1 tiết	PM Lý+Tin	2	2	2	13	6								19	17	2	
31	Nguyễn Thị Ngọc Hân	GV	L10A2; TNHNI10A2,C1,3 + GDDP MT 10A2,C1,3 + BD HSG	CD Lý 1 tiết	CN10A2	3	3	3	16,5	4								20,5	17	3,5	
32	Nguyễn Thị Hoàn	GV	L10A1; TNHNI10A1,C2,4 + GDDP MT 10A1,C2,4	CD Lý 1 tiết	CN 10A1	3	3	3	15	4								19	17	2	
33	Trần Thị Thương	GV	L11A3; TNHNI11A3,C3 + GDDP MT 11A3,C3,4	CD Lý 1 tiết	CN 11A3	3	3	3	16	4								20	17	3	
34	Nguyễn Thị Lam	GV	L11A1; TNHNI11A1,C2 + GDDP MT 11A1,C2	CD Lý 1 tiết	PBT Đoàn	2	2	2	11	6								17	17	0	
	Tổng môn Lý:				9		13	13	13	106	24							130	119	11	
	HOÁ																				
35	Phạm Thúy Liễu	GV	H12A2,3 + GDDP AN12A2,3;C1; H11A3+ GDDP HN 12A2,4;C1	CD Hoá 3 tiết								15	3					18	17	1	
36	Khúc Trường Giang	GV	H12A1,4 + GDDP AN 12A1,4,C5; H11A2; BD HSG	CD Hoá 3 tiết	CN 11A2							13,5	4					17,5	17	0,5	
37	Nguyễn Đức Chúng	GV	TNHN12C2,3 + GDDP AN 12C3; GDDP AN 11C1,2,3; GDDP HN 12C3,4,5		PCGD	2	2	2	13	6								19	17	2	
38	Nguyễn Đình Dân	BTD	H11A1	CD Hoá 1 tiết	BT Đoàn				3	12								15	17	-2	
39	Hoàng Thị Thu Hiền	GV	TNHN11C4,5,6 + GDDP AN 11C4,5,6; H10A1; BD HSG	CD Hoá 1 tiết		3	3	3	16,5	0								16,5	17	-0,5	
	Tổng môn Hoá:				6		5	5	5	61	25							86	85	1	
	SINH																				
40	Đặng Ngọc Hương	GV	Hộ sản (day lại 11/12)															0	0	0	

41	Trần Thị Dạ Thảo	GV	CN12C,4,5; Si11A2,3;CN11C1,2,3,4,5 + BD HSG					19,5				19,5	17	2,5	
42	Lâm Phương Liên	TP	Si12A1,2,3,4; Si11A1;CN11C6 + BD HSG		CN 11A2			13,5	5			18,5	17	1,5	
43	Aroman Tú Anh	GV	CN12C1,2,3; Si10A1,2;CN10C1,2,3,4					18				18	17	1	
Tổng môn Sinh:								51				56	51	5	
SỬ															
44	Nguyễn Văn Tâm	TT	Sử 12C1,3; 11A1,2,3; C2,5 + GĐP Sử 12C1,3; 11A1,2,3; C2,5 + BD HSG	CD Sử 4 tiết				19,5	3			22,5	17	5,5	
45	Lê Mạnh Hà	GV	Sử 11C1,6; 10C3,4 + GĐP Sử 11C1,6; 10C1,2, 3,4, 11C3,4	CD Sử 4 tiết	CN 11C1			16	4			20	17	3	
46	Bùi Thị Huệ	GV	Sử 12C2,5; 10A1,2;C1,2 + GĐP Sử 12C2,5; 10A1,2	CD Sử 4 tiết	CN 12C2			18	4			22	17	5	
47	Nguyễn Thị Tuyết Anh	GV	Sử 12A1,2,3,4;C4; 11C3,4 + GĐP Sử 12A1,2,3,4;C4 + BD HSG	CD Sử 3 tiết	CN 12C4			16,5	4			20,5	17	3,5	
Tổng môn Sử:				15				70	15			85	68	17	
ĐỊA															
48	Phạm Văn Đông	TP	Địa 11C1,3,5; 10C1,3 + GĐP Địa 11A2,3;C1,3,5; 10C1,3 + BD HSG		TPCM, CN 11C3			18,5	5			23,5	17	6,5	
49	Lê Thị Hà	GV	Địa 12C1,3,5; 10C2,4 + GĐP Địa 12A1,2,C1,3,5; 10A1,2; C2,4		TKHD, CN 10C4			19	6			25	17	8	
50	Nguyễn Thị Liễu	GV	Địa 12C2,4; 11C2,4,6 + GĐP Địa 12A3,4; C2,4; 11A1; C2,4,6 + BD HSG 1 tiết		CN 11C2			19,5	4			23,5	17	6,5	
Tổng môn Địa:								57	15			72	51	21	
ANH VĂN															
51	Đặng Thị Cúc	TT	AV 12A1,2; 10C3,4		TT			12	3			15	17	-2	
52	Nguyễn Thị Lệ Xuân	GV	AV 12C1,2,3,4,5					15				15	17	-2	
53	Mai Thị Ngà	GV	AV 12A3,4; 11C6 + GĐP AN 11C6		CN 11C6			10	4			14	17	-3	
54	Lê Thái Sơn	GV	AV 11A2; 10C1,2 + GĐP AN 10C1,2 + BD HSG (1 tiết *1.5)		CN 10C1			12,5	4			16,5	17	-0,5	
55	Đặng Hoài Thu	GV	AV 11A3,C2; 10A1,2 + GĐP AN 11A3,C1,2,3 + BD HSG 1 tiết*1.5)					17,5				17,5	17	0,5	
56	Mai Thị Ngọc Ánh	GV	AV 11A1,C1,3,4,5					15				15	17	-2	
Tổng môn Anh văn:								82	11			93	102	-9	
ANQP															
57	Nguyễn Thị Hương	TP	QP 12A1,2,3,4; C1,2,3,4,5; 10A1,2 + BD Thi HSG (1 tiết*1.5)					13,5	1			14,5	17	-2,5	
58	Lê Thị Kim Ngân	GV	QP 11A1,2,3; C1,2,3,4,5,6; 10C1,2,3,4 + BD Thi HSG (1 tiết*1.5)					15,5				15,5	17	-1,5	
Tổng môn QP-AN:								29	1			30	34	-4	

